Bs Võ Văn Phong -

Gi i thi u

Thuyên t c huy t kh i tĩnh m ch (Venous thromboembolism- VTE) là m t bi n ch ng th ng g p trong và sau khi nh p vi n đ i v i b nh nhân n i khoa và ngo i khoa, k c b nh nhân ch nh hình. H n m t n a s b nh nhân nh p vi n có nguy c b VTE, nguy c cao h n b nh nhân ngo i khoa. T l VTE chung n m trong kho ng t 13% đ n 70%, có s khác bi t l n gi a các c s y t và qu c gia. N u không có b t k bi n pháp d phòng nào, thuyên t c ph i (PE) là nguyên nhân gây ra t 5% đ n 10% các tr ng h p t vong b nh nhân nh p vi n, t l t vong do PE t 0.1% đ n 0.8% sau ph u thu t t ng quát, 2% đ n 3% sau thay kh p háng và 4% đ n 7% sau ph u thu t gãy x ng vùng kh p háng. T ng t , t l DVT b nh nhân n i khoa và ph u thu t t ng quát n m trong kho ng 10% đ n 40%. Trong khi đó, t l DVT dao đ ng t 40% đ n 60% b nh nhân ph u thu t ch nh hình l n. T vong trong vòng 1 tháng sau khi đ c ch n đoán x y ra kho ng 6% b nh nhân DVT và kho ng 12% b nh nhân PE. T l VTE tái phát tích lũy trong 10 năm đ t 39.9% (35.4% đ n 44.4%).

B nh nhân ch nh hình có nguy c cao h n b DVT và VTE. N u không có các quá trình sinh lý b nh có trong b ba c a Virchow đ c mô t năm 1884 (t n th ng n i mô m ch máu, tr dòng máu và tăng đông máu), VTE th ng không phát tri n. b nh nhân ch nh hình đang tr i qua m t cu c ph u thu t, t t c các quá trình sinh lý b nh nêu trên trong b ba c a Virchow đ u có m t: 1. S d ng garo, b t đ ng và ngh ng i t i gi ng gây máu tĩnh m ch; 2. Các thao tác ph u thu t c a chi gây ra các t n th ng n i mô m ch máu; 3. Ch n th ng làm tăng tác nhân thromboplastin; và 4. S d ng xi măng x ng polymethylmethacrylate (PMMA) làm tăng kh năng đông máu. Do đó, nh ng b nh nhân tr i qua ph u thu t ch nh hình và nh ng ng i b ch n th ng ch nh hình, thì vi c đi u tr d phòng VTE và tuân th các h ng d n t ng ng là đi u t i quan tr ng.

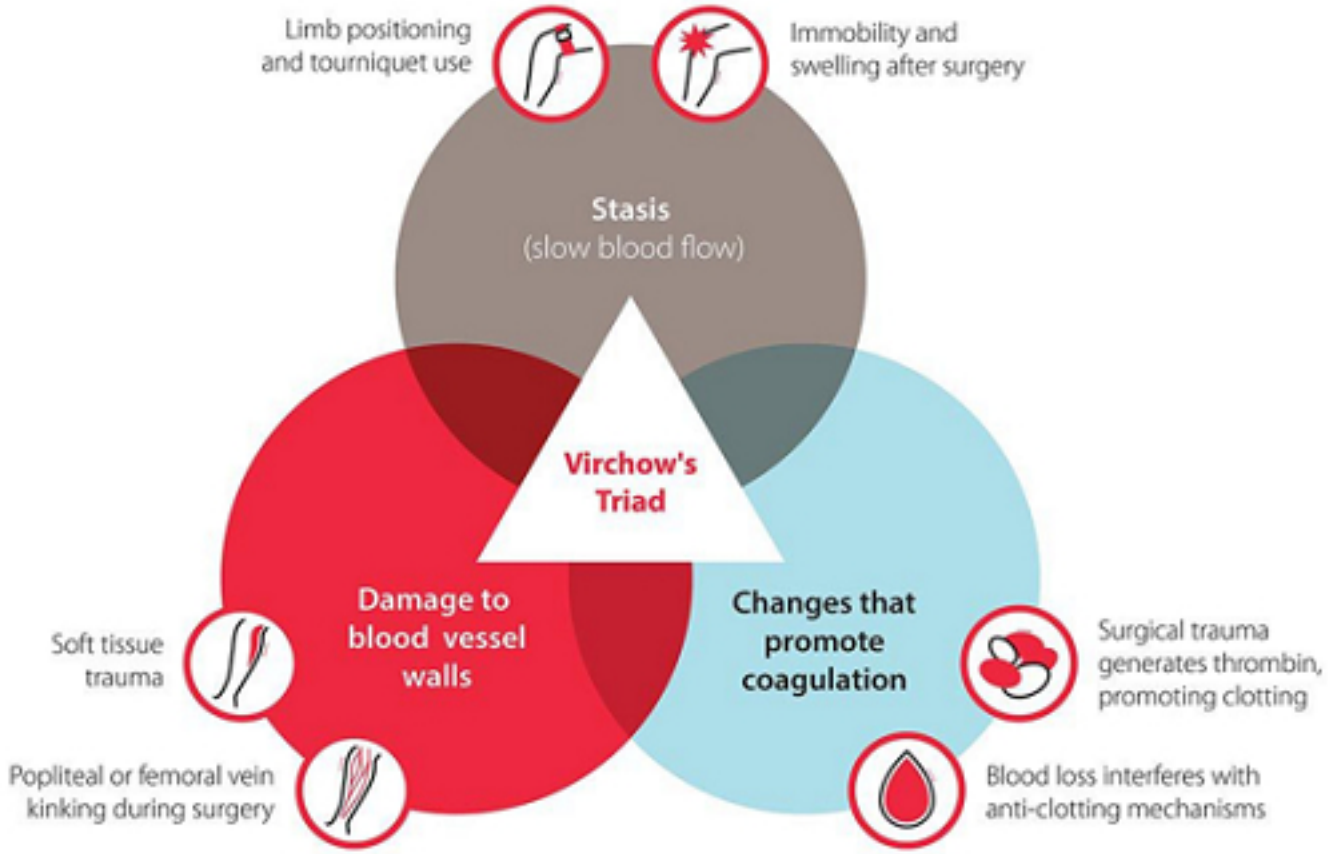

Xem ti□p t□i đây